

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tuấn; Ông Nguyễn Quang Hợp;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 198/2021/TLST - HNGĐ, ngày 13/10/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 14/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Lệ T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T xã N, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Lệ T trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn G kết hôn năm 2010. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà anh Hoàng Văn G tại xã N, huyện Đại Từ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tôi phát hiện ra anh G có chơi bời và nghiện hút ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh G từ bỏ để tu chí làm ăn, nhưng anh G không nghe mà lấn sâu hơn. Do đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau và xô xát vài lần. Đến cuối năm 2019 tôi đưa hai con về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh G có 02 con chung:

1. Hoàng Như Q, sinh ngày 25/6/2011

2. Hoàng Quốc H, sinh ngày 01/5/2013

Hiện các con chung đang sinh sống với tôi tại xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (gia đình nhà mẹ đẻ tôi). Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án xem xét vì anh G nghiện ma túy, không có khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi và anh G không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh G đến Tòa án để giải quyết, tuy nhiên anh G vắng mặt không lý do, Tòa án đã làm việc với bà Đỗ Thị N (là mẹ đẻ anh G) bà N cho biết gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên anh G đi làm ăn không có mặt tại gia đình, anh G đi làm ở nhiều nơi, gia đình cũng không biết anh G đang làm ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào, khi anh G đi làm ăn anh G có nói với gia đình là anh không về Tòa án để giải quyết việc ly hôn theo đơn của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về vụ án ly hôn bà N cho biết anh G và chị T kết hôn năm 2010 gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh G, chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, sau khi cưới gia đình cho anh chị T, G ra ở riêng, về con chung anh G, chị T có 02 con chung là Hoàng Như Q, sinh ngày 25/6/2011 và Hoàng Quốc H, sinh ngày 01/5/2013, hiện nay hai con chung đang ở với chị T. Về tài sản chung của chị T và anh G thì không có gì. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì bà N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G (là con trai bà) chơi bời, nghiện hút ma túy. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh G không nghe. Vợ chồng T, G đã sống ly thân, nay chị T xin ly hôn anh G gia đình không ý kiến gì.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị T giao nộp gồm:

01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Trần Lê T và Hoàng Văn G (bản chính); 01 Giấy chứng minh nhân dân của Trần Lê T (bản sao); 01 Giấy khai sinh của Trần Lê T (bản sao); 01 Giấy khai sinh của Hoàng Quốc H (bản sao); 01 Giấy khai sinh của Hoàng Như Q (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ Đỗ Mạnh H (bản sao); 01 Hợp đồng lao động củ chị T (bản sao); Anh G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên đề nghị xin ly hôn với anh Hoàng Văn G. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Về tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- + Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Lệ T được ly hôn anh Hoàng Văn G.
- + Về con chung: Giao cả hai con chung Hoàng Như Q, sinh ngày 25/6/2011 và Hoàng Quốc H, sinh ngày 01/5/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét; về quyền thăm nom con chung: Anh G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.
- + Về tài sản: Không xem xét.
- + Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh G vắng mặt không có lý do, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Hoàng Văn G cư trú tại xã N, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Hoàng Văn G vắng mặt lần thứ hai không lý do, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh G là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Lệ T và anh Hoàng Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, phía chị T xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ vào năm 2010 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Phía chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn vào năm 2015 do anh G có chơi bời và nghiện hút ma túy. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh G nên từ bỏ để tu chí làm ăn, nhưng anh G không nghe mà lần sâu hơn. Do đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau và xô xát, đến năm 2019 chị đưa cả hai con chung về gia đình nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Phía anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh G để triệu tập anh đến Tòa án, tuy nhiên anh G không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã làm việc với bà Đỗ Thị N (là mẹ đẻ anh G) bà N cho biết gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên anh G đi làm ăn không có mặt tại gia đình, anh G đi làm ở nhiều nơi, gia đình cũng không biết anh G đang làm ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào, khi anh G đi làm ăn anh G có nói với gia đình là anh không về Tòa án để giải quyết việc ly

hôn theo đơn của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về vụ án ly hôn bà N cho biết anh G và chị T kết hôn năm 2010 gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh Giao, chị Thu đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, sau khi cưới gia đình cho anh chị T, G ra ở riêng, về con chung anh G, chị T có 02 con chung là Hoàng Như Q, sinh ngày 25/6/2011 và Hoàng Quốc H, sinh ngày 01/5/2013, hiện nay hai con chung đang ở với chị T. Về tài sản chung của chị T và anh G thì không có gì. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì bà N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G (là con trai bà) chơi bời, nghiện hút ma túy. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh G không nghe. Vợ chồng Thu, G đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị T, cho chị Trần Lệ T được ly hôn anh Hoàng Văn G là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là:

1. Hoàng Như Q, sinh ngày 25/6/2011
2. Hoàng Quốc H, sinh ngày 01/5/2013.

Quá trình giải quyết vụ án, phía chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung do hiện nay chị đã đưa cả hai con chung về gia đình nhà bố mẹ đẻ chị để nuôi dưỡng. Phía anh G thì vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy hiện các con chung đang sinh sống cùng chị T tại xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (gia đình mẹ đẻ chị T). Tại bản khai các con chung của chị T, anh G đều có nguyện vọng được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn. Do đó xét đề nghị của chị T và nguyện vọng của các con chung cần tiếp tục giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung: Anh G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị T không có đề nghị giải quyết về phần tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Lệ T, cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn G.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung

1. Hoàng Như Q, sinh ngày 25/6/2011

2. Hoàng Quốc H, sinh ngày 01/5/2013.

Cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cả hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị Thu, anh G có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh G được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003768 ngày 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã P;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Hải